

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2023/DS-PT

Ngày: 04-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2022/DS – ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1632/2023/QĐ – PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: số nhà F, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1964 (có mặt);

2.2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số nhà B, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: bị đơn Trần Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L, quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Ngày 29/01/2019 (âm lịch), bà Nguyễn Thị Kim L cho vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B vay số tiền 950.000.000 đồng, ông Đ không biết lãi suất cho vay vì bà L không nói với ông, thời hạn vay vài tháng, mục đích vay bổ sung vốn tu bổ cho ghe cào. Khi vay, bà N có lập biên nhận vay tiền giao cho bà L giữ (biên nhận ngày 29/01/2019). Việc bà N có đóng lãi cho bà L không thì ông không biết. Đến hạn trả tiền bà L đã nhiều lần yêu cầu bà N và ông B trả tiền nhưng ông bà không trả, đến nay còn nợ 950.000.000 đồng.

Đồng thời, ngày 10/01/2019 (âm lịch) bà L có làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, hụi có 46 phần, bà N tham gia 02 phần, hụi khai vào ngày 10 và ngày 25 (âm lịch) hàng tháng. Sau khi tham gia bà N hốt cả 02 phần hụi, bà L đã giao cho bà N số tiền của 02 phần hụi là 352.000.000 đồng (đã trừ tiền thảo 8.000.000 đồng), bà N đóng hụi chết cho bà L được 310.000.000 đồng, còn nợ lại 14 lần hụi chết chưa đóng là 140.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn vào ngày 25/10/2020 (âm lịch). Sau khi mãn hụi bà L và bà N đã chốt nợ với nhau, bà N viết giấy tay xác nhận còn nợ tiền hụi 140.000.000 đồng giao cho bà L giữ (biên nhận ghi ngày 25/10/2020).

Ông B biết việc bà N vay tiền và tham gia chơi hụi, số tiền này dùng để bổ sung kinh phí cho ghe cào của vợ chồng bà N nên đây là nợ chung của bà N và ông B. Do đó, bà L yêu cầu bà N và ông B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng là 1.090.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Trước đây bà nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim L. Đến ngày 29/01/2019 (âm lịch), bà có vay của bà L số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, khi vay không nói thời hạn trả chỉ nói khi nào có tiền thì trả, mục đích vay bổ sung vốn tu bổ ghe cào cá, bà có viết biên nhận vay tiền giao cho bà L giữ. Sau khi vay bà đóng lãi cho bà L được vài tháng nhưng không nhớ rõ bao nhiêu tháng; khoảng hơn hai năm nay do ghe hoạt động không hiệu quả và dịch bệnh nên bà không đóng lãi cho bà L. Mỗi lần đóng lãi có khi bà L viết giấy cho bà, có khi không, tuy nhiên bà chấp nhận vay và đóng lãi nên không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi đã đóng. Bà thừa nhận hiện nay còn nợ bà L số tiền vay 950.000.000 đồng.

Đồng thời, ngày 10/01/2019 (âm lịch) bà có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng do bà L làm chủ hụi, dây hụi có 46 phần, bà tham gia 02 phần, hụi khai vào ngày 10 và ngày 25 âm lịch hàng tháng. Sau khi tham gia bà hốt cả 02 phần hụi, bà L giao cho bà số tiền của 02 dây hụi là 352.000.000 đồng (đã trừ tiền thảo 8.000.000 đồng),

bà đã đóng hui chết cho bà L được 310.000.000 đồng, còn nợ lại 14 lần hui chết chưa đóng là 140.000.000 đồng, dây hui này đã mẫn vào ngày 25/10/2020 (âm lịch). Sau khi mẫn hui bà và bà L có chốt nợ với nhau, bà viết giấy xác nhận còn nợ tiền hui 140.000.000 đồng giao cho bà L giữ.

Bà thừa nhận tờ giấy tay vay tiền ngày 29/01/2019 và tờ giấy tay tiền hui mẫn ngày 25/10/2020 bà L cung cấp cho Tòa án là do bà viết, chữ viết, chữ ký trong các giấy này là của bà nên không yêu cầu giám định. Hiện bà còn nợ bà L tổng số tiền vay và tiền hui là 1.090.000.000 đồng. Tiền vay và tiền hui đều dùng để bổ sung kinh phí hoạt động cho ghe cào, khi bà vay tiền chồng bà là ông Trần Văn B không biết nhưng khi bà L yêu cầu trả tiền thì ông B biết và cũng đồng ý cùng bà liên đới trả nợ cho bà L nên đây là nợ chung của vợ chồng bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Phạm Thị N trình bày: năm 2017 và 2018 bà vay tiền của bà L nhiều lần. Năm 2019 bà không vay tiền của bà L nhưng do ghe cào hoạt động thua lỗ không có tiền đóng lãi nên bà và bà L chốt nợ với nhau, bà lập biên nhận nợ bà L số tiền tiền vay 950.000.000 đồng và ghi ngày 29/01/2019 âm lịch theo yêu cầu của bà L. Số tiền lãi bà đã đóng cho bà Liên từ năm 2017 đến năm 2019 cũng vài trăm triệu đồng nhưng bà không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi đã đóng. Tiền vay và tiền hui được bà dùng để bổ sung vốn kinh doanh xăng, dầu do ông B làm chủ doanh nghiệp (đã ngưng hoạt động) và bổ sung kinh phí hoạt động của ghe cào. Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà L 1.090.000.000 đồng nhưng xin được trả dần trong 2 tháng là 200.000.000 đồng, số tiền còn lại từ từ sẽ trả.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông không biết bà N vay tiền và chơi hui của bà L, đến khi bà L khởi kiện ông mới biết. Từ trước đến nay trong gia đình bà N là người quản lý tiền cũng như lo tiền cho doanh nghiệp (kinh doanh xăng, dầu) và ghe cào hoạt động. Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về việc còn nợ bà L tiền vay và hui tổng cộng là 1.090.000.000 đồng, ông đồng ý cùng bà N liên đới trả số tiền nợ nêu trên cho bà L nhưng yêu cầu được trả dần. Đối với tiền lãi bà N đã đóng cho bà L, ông không yêu cầu tính lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc bị đơn bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L tổng số tiền 1.090.000.000 đồng, trong đó gồm: tiền vay là 950.000.000 đồng,

tiền hui là 140.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2022, bị đơn Trần Văn B kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giảm lãi suất số tiền đã đóng lãi trả một phần cho nợ gốc, tiền hui xin trả dần khi gia đình ông phục hồi kinh tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn Trần Văn B giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn B, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B còn nợ bà Nguyễn Thị Kim L tổng số tiền 1.090.000.000 đồng gồm tiền vay 950.000.000 đồng và tiền hui 140.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B liên đới trả số tiền 1.090.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B trình bày bà N vay tiền của bà L với lãi suất là 4%/tháng, bà N đã trả lãi cho bà Liên t năm 2017 đến năm 2019 khoảng vài trăm triệu đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền lãi bà N đã trả là bao nhiêu và nguyên đơn cũng không thừa nhận lãi suất cho vay là 4%/tháng. Như vậy, không có căn cứ xác định mức lãi suất bà L cho vay là 4%/tháng và số tiền lãi bà N đã trả cho bà L là vượt quá quy định của pháp luật để trừ vào tiền vay bà N, ông B còn nợ như kháng cáo của ông B.

[3] Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và tiền hui cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả dần và nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn nên không có cơ sở cho bị đơn được trả dần số tiền còn nợ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của ông B không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2022/DS – ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Áp dụng các điều 463, 466, 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng), trong đó gồm: tiền vay là 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng), tiền hụi là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Phạm Thị N và ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới nộp 44.700.000 đồng.

[2.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001283, ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi Cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng